

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Quy định mức học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học
năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các đơn vị cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-ĐHNL-VLVH ngày 20/5/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về tổ chức quản lý đào tạo hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 14/10/2021 của Trường Đại học Nông Lâm về việc phê duyệt Phương án tính mức học phí năm học 2021-2022;

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký giữa Nhà trường với các cơ sở liên kết;

Theo đề nghị của các ông, bà: Trưởng phòng KHTC, Giám đốc Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định mức thu học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học (VLVH), văn bằng 2, liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học hệ VLVH năm học 2021 - 2022 của Trường Đại học Nông Lâm. Mức thu học phí năm học 2021-2022 bằng mức học phí năm học 2020-2021.

(Có mức thu học phí từng ngành/chuyên ngành cụ thể kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 478/QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 22/6/2021 của Trường Đại học Nông Lâm.

Điều 3. Các ông, bà: Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Giám đốc trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội, các cơ sở liên kết, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- BGH (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang



**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 842/QĐ-ĐHNL-KHTC ngày 18 tháng 10 năm 2021)

| TT | Ngành/chuyên ngành đào tạo | Mức thu học phí (Đồng/TC) |
|----|---|------------------------------|
| 1 | Chăn nuôi (Chuyên ngành: Chăn nuôi thú y) | 392.000 |
| 2 | Nuôi trồng thủy sản | |
| 3 | Phát triển nông thôn | |
| 4 | Kinh tế nông nghiệp | |
| 5 | Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành Kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản) | |
| 6 | Kinh doanh nông nghiệp (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh nông nghiệp) | |
| 7 | Khuyến nông | |
| 8 | Quản lý tài nguyên rừng (Chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng; Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học) | |
| 9 | Công nghệ chế biến gỗ | |
| 10 | Lâm nghiệp (Chuyên ngành Lâm nghiệp; Nông Lâm kết hợp) | |
| 11 | Khoa học cây trồng (Chuyên ngành Trồng trọt) | |
| 12 | Bảo vệ thực vật | |
| 13 | Nông nghiệp (Chuyên ngành Nông nghiệp công nghệ cao) | |
| 14 | Bất động sản (Chuyên ngành Quản lý và kinh doanh bất động sản) | |
| 15 | Quản lý thông tin | |
| 16 | Khoa học môi trường | 424.000 |
| 17 | Công nghệ kỹ thuật môi trường | |
| 18 | Quản lý đất đai (Quản lý đất đai; Địa chính - Môi trường) | |
| 19 | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên | |
| 20 | Quản lý tài nguyên và môi trường (Quản lý tài nguyên nông lâm nghiệp, quản lý tài nguyên và du lịch sinh thái) | |
| 21 | Công nghệ sinh học | |
| 22 | Công nghệ thực phẩm : Công nghệ thực phẩm; Dinh dưỡng và thực phẩm chức năng | |
| 23 | Công nghệ sau thu hoạch | |
| 24 | Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm | |
| 25 | Thú y : Thú y; Dược - Thú y | 424.000 |



20